

Doanh nghiệp: HOA SEN GROUP

Mã chứng khoán: HSG

Địa chỉ: 9 Đại Lộ Thống Nhất - KCN Sóng Thần II - BD

Mã số thuế: 3 7 0 0 3 8 1 3 2 4

Tel: 08.3999.0111

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**QUÝ I NIÊN ĐỘ 2019**  
Từ 01 - 10 - 2018 đến 31 - 12 - 2018  
(Báo cáo hợp nhất)

- |                                 |                   |
|---------------------------------|-------------------|
| - Bảng cân đối kế toán          | : Mẫu số B01 - DN |
| - Kết quả hoạt động kinh doanh  | : Mẫu số B02 - DN |
| - Lưu chuyển tiền tệ            | : Mẫu số B03 - DN |
| - Thuyết minh báo cáo tài chính | : Mẫu số B09 - DN |

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA SEN**

BCTC HỢP NHẤT

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**QUÝ I NIÊN ĐỘ 2018 - 2019**

**Từ 01 - 10 - 2018 đến 31 - 12 - 2018**

Mẫu số B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

Dvt: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	TM	Số cuối kỳ (31-12-2018)	Số đầu kỳ (01-10-2018)
<b>A</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>9.435.439.546.881</b>	<b>10.799.699.101.991</b>
<b>I</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>423.725.062.878</b>	<b>492.079.830.667</b>
1	Tiền	111		378.095.665.749	459.271.022.774
2	Các khoản tương đương tiền	112		45.629.397.129	32.808.807.893
<b>II</b>	<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.2</b>	<b>270.387.032</b>	<b>270.387.032</b>
1	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2	DP giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		270.387.032	270.387.032
<b>III</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>1.937.920.131.874</b>	<b>2.118.733.369.445</b>
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	<b>V.3.1</b>	1.524.599.724.010	1.650.639.947.525
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	<b>V.3.2</b>	267.573.838.563	296.532.254.907
3	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng XD	134		-	-
5	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	<b>V.5</b>	-	3.660.295.900
6	Các khoản phải thu khác	136	<b>V.4.1</b>	153.360.135.080	175.861.343.972
7	DP các khoản phải thu khó đòi (*)	137		(7.613.565.779)	(7.960.472.859)
8	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.6</b>	<b>5.685.691.471.407</b>	<b>6.606.994.466.635</b>
1	Hàng tồn kho	141		5.726.383.178.272	6.647.686.173.500
2	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(40.691.706.865)	(40.691.706.865)
<b>V</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.387.832.493.690</b>	<b>1.581.621.048.212</b>
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	<b>V.7</b>	99.154.934.842	97.836.059.166
2	Thuế GTGT được khấu trừ	152	<b>V.14.2</b>	1.262.377.829.408	1.453.616.036.730
3	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	<b>V.14.2</b>	26.299.729.440	30.168.952.316
<b>B</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>10.398.732.359.611</b>	<b>10.455.122.959.627</b>
<b>I</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>202.370.220.436</b>	<b>202.370.220.436</b>
1	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4	Phải thu dài hạn nội bộ	214		-	-
5	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6	Phải thu dài hạn khác	216	<b>V.4.2</b>	202.370.220.436	202.370.220.436
7	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
<b>II</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>8.038.989.872.036</b>	<b>8.124.639.435.592</b>
1	Tài sản cố định hữu hình	221	<b>V.9</b>	7.664.901.156.781	7.671.670.211.535
	- Nguyên giá	222		11.843.651.539.076	11.563.782.152.097
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(4.178.750.382.295)	(3.892.111.940.562)
2	Tài sản cố định thuê tài chính	224	<b>V.10</b>	122.010.008.613	140.153.363.491
	- Nguyên giá	225		172.740.506.151	236.206.835.834
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		(50.730.497.538)	(96.053.472.343)
3	Tài sản cố định vô hình	227	<b>V.11</b>	252.078.706.642	312.815.860.566
	- Nguyên giá	228		297.130.902.380	355.069.152.380
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(45.052.195.738)	(42.253.291.814)

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA SEN**

BCTC HỢP NHẤT

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

QUÝ I NIÊN ĐỘ 2018 - 2019

Từ 01 - 10 - 2018 đến 31 - 12 - 2018

Mẫu số B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC Ngày  
22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

Đvt: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	TM	Số cuối kỳ (31-12-2018)	Số đầu kỳ (01-10-2018)
III	<b>Bất động sản đầu tư</b>	230		-	-
	- Nguyên giá	231		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
IV	<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	240	V.8	1.588.504.349.297	1.512.774.341.255
1	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.588.504.349.297	1.512.774.341.255
V	<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	250	V.2	62.600.000.000	98.957.678.001
1	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	36.357.678.001
3	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4	Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (*)	254		-	-
5	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		62.600.000.000	62.600.000.000
VI	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	260		506.267.917.842	516.381.284.343
1	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7	463.979.556.183	475.698.024.116
2	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.18	33.540.777.723	40.683.260.227
3	Lợi thế thương mại	269		8.747.583.936	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>		<b>270</b>		<b>19.834.171.906.492</b>	<b>21.254.822.061.618</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA SEN**

BCTC HỢP NHẤT

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

QUÝ I NIÊN ĐỘ 2018 - 2019

Từ 01 - 10 - 2018 đến 31 - 12 - 2018

Mẫu số B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

Dvt: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Số cuối kỳ (31-12-2018)	Số đầu kỳ (01-10-2018)
<b>C</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>14.651.981.013.272</b>	<b>16.103.196.342.693</b>
<b>I</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>10.947.774.413.367</b>	<b>12.637.507.361.815</b>
1	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13.1	1.693.021.629.273	1.066.621.824.454
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13.2	140.627.208.877	141.297.692.947
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14.1	221.630.811.399	61.518.263.658
4	Phải trả người lao động	314		57.393.672.519	85.096.650.336
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	98.269.913.022	148.220.024.270
6	Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	238.028.663.447	213.415.952.496
8	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.12	8.457.656.611.063	10.879.859.929.887
9	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
10	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		41.145.903.767	41.477.023.767
<b>II</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>3.704.206.599.905</b>	<b>3.465.688.980.878</b>
1	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.12	3.700.494.166.405	3.461.976.547.378
2	Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.17	3.712.433.500	3.712.433.500
<b>D</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>5.182.190.893.220</b>	<b>5.151.625.718.925</b>
<b>I</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>5.182.190.893.220</b>	<b>5.151.625.718.925</b>
1	Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.19	3.849.903.280.000	3.849.903.280.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		3.849.903.280.000	3.849.903.280.000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2	Thặng dư vốn cổ phần	412	V.19	151.583.183.521	151.583.183.521
4	Cổ phiếu quỹ (*)	415	V.19	(1.456.000.000)	(1.343.000.000)
6	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	V.19	58.180.503.476	60.509.750.556
7	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.19	1.115.716.074.055	1.055.058.327.742
	- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		1.055.058.327.742	645.824.289.820
	- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		60.657.746.313	409.234.037.922
8	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		8.263.852.168	35.914.177.106
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (400 = 300+400)</b>		<b>440</b>		<b>19.834.171.906.492</b>	<b>21.254.822.061.618</b>

Ngày 29 tháng 01 năm 2019

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Nguyễn Thị Thanh Tuyền



Nguyễn Thị Ngọc Lan

**TRẦN QUỐC TRÍ**

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA SEN**

BCTC HỢP NHẤT

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

QUÝ I NIÊN ĐỘ 2018 - 2019

Từ 01 - 10 - 2018 đến 31 - 12 - 2018

Đơn vị: VNĐ

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
				Từ 01/10/2018 đến 31/12/2018	Từ 01/10/2017 đến 31/12/2017
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	V.21	7.557.609.285.209	7.929.841.042.904
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	V.22	12.172.384.423	43.261.260.670
3.	DT thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	V.23	7.545.436.900.786	7.886.579.782.234
4.	Giá vốn hàng bán	11	V.24	6.938.343.920.747	6.705.382.663.842
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		607.092.980.039	1.181.197.118.392
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	V.25	23.936.253.929	13.399.603.773
7.	Chi phí tài chính	22	V.26	198.227.899.631	186.184.406.034
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		187.040.186.546	171.086.603.940
8.	Chi phí bán hàng	25	V.29	435.815.513.154	420.706.240.626
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	V.29	113.068.983.712	209.855.977.568
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+21-22-25-26)	30		(116.083.162.529)	377.850.097.937
11.	Thu nhập khác	31	V.27	217.750.750.475	25.068.260.251
12.	Chi phí khác	32	V.28	222.832.318	1.172.360.893
13.	Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		217.527.918.157	23.895.899.358
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		101.444.755.628	401.745.997.295
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.30	33.649.851.749	68.353.866.017
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	V.31	7.142.482.504	-
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		60.652.421.375	333.392.131.278
18.	Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		60.657.746.313	333.407.817.635
19.	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(5.324.938)	(15.686.357)

Ngày 29 tháng 01 năm 2019

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Nguyễn Thị Thanh Tuyền



Nguyễn Thị Ngọc Lan



TRẦN QUỐC TRÍ

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA SEN**

**BCTC HỢP NHẤT**

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

*(Theo phương pháp gián tiếp)*

**QUÝ I NIÊN ĐỘ 2018 - 2019**

**Từ 01 - 10 - 2018 đến 31 - 12 - 2018**

Mẫu số B 03 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)*

*Đơn vị: VNĐ*

Chỉ tiêu	MS	Kỳ này Từ 01/10/2018 đến 31/12/2018	Kỳ trước Từ 01/10/2017 đến 31/12/2017
<b>I LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1 Lợi nhuận trước thuế	01	101.444.755.628	401.745.997.295
2 Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BDSĐT	02	282.912.616.177	229.567.587.983
- Các khoản dự phòng	03	(346.907.080)	-
- Lãi, lỗ CLTG hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(127.891.142.418)	(13.502.192.721)
- Chi phí lãi vay	06	187.040.186.546	171.086.603.940
3 Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08	443.159.508.853	788.897.996.497
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	499.735.651.622	(1.596.553.416.731)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	921.302.995.228	(434.041.292.862)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	697.609.437.813	(2.859.117.303.743)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	10.399.592.257	(36.911.636.093)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(204.949.906.293)	(186.261.799.097)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(8.178.552.439)	(56.879.493.581)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(2.660.367.080)	(3.640.000.997)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	2.356.418.359.961	(4.384.506.946.607)
<b>II LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1 Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	(454.767.928.386)	(652.592.838.031)
2 Tiền thu từ TL nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	220.639.673.560	45.142.878.064
3 Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23		
4 Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các ĐV khác	24		
3 Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(12.266.000.000)	(3.672.266.449)
4 Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
5 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5.434.353.873	3.723.936.729
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(240.959.900.953)	(607.398.289.687)
<b>III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1 Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2 Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại CP của DN phát hành	32	(113.000.000)	(38.000.000)
3 Tiền thu từ đi vay	33	4.739.119.725.910	10.983.147.493.159
4 Tiền trả nợ gốc vay	34	(6.897.411.390.140)	(5.773.035.313.312)
5 Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(25.394.035.567)	(7.270.431.598)
6 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(14.527.000)	(100.137.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(2.183.813.226.797)	5.202.703.611.249
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	(68.354.767.789)	210.798.374.955
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	492.079.830.667	292.371.319.351
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	423.725.062.878	503.169.694.306

Ngày 29 tháng 01 năm 2019

Người lập biểu

*(Ký, họ tên)*



Nguyễn Thị Thanh Tuyền

Kế toán trưởng

*(Ký, họ tên)*



Nguyễn Thị Ngọc Lan

Tổng Giám đốc

*(Ký, họ tên, đóng dấu)*



**TRẦN QUỐC TRÍ**

**BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**QUÝ I NIÊN ĐỘ 2018 - 2019**

**Từ 01 - 10 - 2018 đến 31 - 12 - 2018**

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ được ghi chú bằng đồng tiền khác)

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1- Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hoa Sen thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3700381324 Đăng ký lần đầu ngày 08/08/2001 và điều chỉnh gần đây nhất ngày 09 tháng 07 năm 2018.

Trụ sở và nhà xưởng sản xuất đặt tại số 9, đại lộ Thống Nhất, khu công nghiệp Sóng Thần II, Phường Dĩ An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

**Cơ cấu vốn điều lệ**

Vốn điều lệ	3.849.903.280.000 VNĐ
Số lượng cổ phiếu	384.990.328 cổ phiếu

**2- Lĩnh vực kinh doanh**

Sản xuất công nghiệp và thương mại

**3- Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: 35 ngày**

**4- Ngành nghề kinh doanh**

Mục tiêu và phạm vi hoạt động kinh doanh Công ty là :

- Sản xuất tấm lợp bằng thép mạ kẽm, hợp kim nhôm kẽm, mạ kẽm phủ sơn và mạ các loại hợp kim khác
- Sản xuất xà gồ thép, xà gồ mạ kẽm
- Sản xuất ống thép đen, ống thép mạ kẽm, ống thép mạ các loại hợp kim khác
- Sản xuất lưới thép mạ, dây thép mạ kẽm, dây thép các loại
- Sản xuất tấm trần PVC
- Sản xuất các loại vật liệu xây dựng
- Mua bán vật liệu xây dựng, tư liệu sản xuất và hàng tiêu dùng
- Dịch vụ cho thuê kho và vận tải hàng hóa
- Xây dựng công nghiệp và dân dụng
- Sản xuất thép cán nguội dạng cuộn
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.

**5- Cấu trúc doanh nghiệp**

Danh sách công ty con: Đến thời điểm hiện tại Công ty có 17 Công ty con

**- CÔNG TY TNHH MTV TÔN HOA SEN**

Địa chỉ: 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P. Dĩ An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

**- CÔNG TY TNHH MTV VẬN TẢI VÀ CƠ KHÍ HOA SEN**

Địa chỉ: 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P. Dĩ An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

**- CÔNG TY TNHH MTV VẬT LIỆU XÂY DỰNG HOA SEN**

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, Thị trấn Phú Mỹ, H.Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

**- CÔNG TY TNHH MTV HOA SEN BÌNH ĐỊNH**

Địa chỉ: Lô A1.1 và TT6.2 & 7 Khu Công Nghiệp Nhơn Hòa, P. Nhơn Hòa, Tx. An Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt Nam

**- CÔNG TY TNHH MTV HOA SEN NGHỆ AN**

Địa chỉ: Lô CN 1-8 Khu công nghiệp Đông Hội, X. Quỳnh Lập, TX. Hoàng Mai, Tỉnh Nghệ An

**- CÔNG TY TNHH MTV HOA SEN HÀ NAM**

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Kiện Khê I, Thị trấn Kiện Khê, Huyện Thanh Liêm, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam

**- CÔNG TY TNHH MTV HOA SEN NHƠN HỘI - BÌNH ĐỊNH**

Địa chỉ: Thôn Hội Sơn, Xã Nhơn Hội, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam

**BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**QUÝ I NIÊN ĐỘ 2018 - 2019**

**Từ 01 - 10 - 2018 đến 31 - 12 - 2018**

*(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ được ghi chú bằng đồng tiền khác)*

- **CÔNG TY CỔ PHẦN HOA SEN YÊN BÁI**  
Địa chỉ: Tổ 48, Phường Đồng Tâm, Thành Phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái, Việt Nam
- **CÔNG TY TNHH MTV HOA SEN PHÚ MỸ**  
Địa chỉ: Đường số 1B, KCN Phú Mỹ I, Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam
- **CÔNG TY TNHH MTV XI MĂNG HOA SEN CÀ NÁ – NINH THUẬN**  
Địa chỉ: Khu công nghiệp Hoa Sen Cà Ná, Xã Phước Diêm, Huyện Thuận Nam, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam
- **CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ KINH LUYỆN CÁN THÉP HOA SEN CÀ NÁ – NINH THUẬN**  
Địa chỉ: Khu công nghiệp Hoa Sen Cà Ná, Xã Phước Diêm, Huyện Thuận Nam, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam
- **CÔNG TY TNHH MTV NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO HOA SEN CÀ NÁ – NINH THUẬN**  
Địa chỉ: Khu công nghiệp Hoa Sen Cà Ná, Xã Phước Diêm, Huyện Thuận Nam, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam
- **CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KCN HOA SEN CÀ NÁ – NINH THUẬN**  
Địa chỉ: Khu công nghiệp Hoa Sen Cà Ná, Xã Phước Diêm, Huyện Thuận Nam, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam
- **CÔNG TY TNHH MTV CẢNG TỔNG HỢP QUỐC TẾ HOA SEN CÀ NÁ – NINH THUẬN**  
Địa chỉ: Thôn Thương Diêm 2, Xã Phước Diêm, Huyện Thuận Nam, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam
- **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VẬT LIỆU XÂY DỰNG HOA SEN YÊN BÁI**  
Địa chỉ: Tổ 48, Phường Đồng Tâm, Thành Phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái, Việt Nam
- **CÔNG TY CỔ PHẦN HOA SEN QUY NHƠN**  
Địa chỉ: Số 01 Ngô Mây, Phường Ngô Mây, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam
- **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP HOA SEN DU LONG**  
Địa chỉ: Số 65 Trần Quang Diệu, Phường Thanh Sơn, TP. Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam

**Danh sách chi nhánh:** Hiện tại Công ty có 472 chi nhánh phụ thuộc

- 1 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Đắk Lắk
- 2 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Kon Tum
- 3 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Trảng Bàng - Tây Ninh
- 4 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Cam Ranh
- 5 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Chơn Thành
- 6 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Diên Khánh
- 7 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Bồng Sơn Bình Định
- 8 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tân Thạnh - Long An
- 9 . Chi Nhánh Công Ty CP Tập Đoàn Hoa Sen Tại Tuy Phước Bình Định
- 10 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Thành Phố Cần Thơ
- 11 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại An Khê Tỉnh Gia Lai
- 12 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Hà Nội
- 13 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Gia Nghĩa - Đắk Nông
- 14 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Phú Tân - An Giang
- 15 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Pleiku Tỉnh Gia Lai
- 16 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen
- 17 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Buôn Hồ - Tỉnh Đắk Lắk
- 18 . Chi Nhánh Công Ty CP Tập Đoàn Hoa Sen Tại Nghệ An
- 19 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Tuy An - Tỉnh Phú Yên
- 20 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Trà Vinh
- 21 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Phụng Hiệp
- 22 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Vĩnh Long
- 23 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Tuy Hòa



**BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**QUÝ I NIÊN ĐỘ 2018 - 2019**

**Từ 01 - 10 - 2018 đến 31 - 12 - 2018**

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ được ghi chú bằng đồng tiền khác)

- 24 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Phan Rí
- 25 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen
- 26 . Chi Nhánh Long Xuyên - Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen
- 27 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Cái Bè
- 28 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Bà Rịa - Vũng Tàu
- 29 . CN Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Cà Mau
- 30 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Vũng Liêm
- 31 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Vị Thanh
- 32 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Sóc Trăng
- 33 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen
- 34 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Sơn Tịnh - Tỉnh Quảng Ngãi
- 35 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Đức Linh - Bình Thuận
- 36 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Thủ Thừa - Long An
- 37 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Châu Đốc
- 38 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Bình Minh
- 39 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Hàm Tân - Bình Thuận
- 40 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Năm Căn
- 41 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Bạc Liêu
- 42 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen (tỉnh Bình Dương)
- 43 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Tân Thành - Bà Rịa - Vũng Tàu
- 44 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Thống Nhất - Tỉnh Đồng Nai
- 45 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Hà Tĩnh
- 46 . Chi Nhánh Công Ty CP Tập Đoàn Hoa Sen Tại Phù Cát Bình Định
- 47 . Chi Nhánh Công Ty CP Tập Đoàn Hoa Sen Tại Phù Mỹ Bình Định
- 48 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Chợ Mới - An Giang
- 49 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen (tỉnh Bình Dương)
- 50 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen
- 51 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen (Bình Dương) - Tại Sơn La
- 52 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Thừa Thiên Huế
- 53 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Bến Cát - Bình Dương
- 54 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Gò Dầu - Tây Ninh
- 55 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Định Quán - Đồng Nai
- 56 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Thốt Nốt
- 57 . CN Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Tri Tôn - An Giang
- 58 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Krông Pắc - Đắk Lắk
- 59 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Phan Thiết - Bình Thuận
- 60 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Ea Kar - Đắk Lắk
- 61 . CN Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Đắk Mil - Đắk Nông
- 62 . CN Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Thanh Hóa
- 63 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Xuyên Mộc - Bà Rịa - Vũng Tàu
- 64 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Vĩnh Thạnh - Tp Cần Thơ
- 65 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Ninh Bình
- 66 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Cái Răng - Tp Cần Thơ
- 67 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Hòa Bình
- 68 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Thị Xã Phước Long - Tỉnh Bình Phước

**BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**QUÝ I NIÊN ĐỘ 2018 - 2019**

**Từ 01 - 10 - 2018 đến 31 - 12 - 2018**

*(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ được ghi chú bằng đồng tiền khác)*

- 69 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Phú Giáo - Bình Dương
- 70 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Quảng Ninh
- 71 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Sơn Hòa - Phú Yên
- 72 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Yên Bái
- 73 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Hàm Thuận Nam - Bình Thuận
- 74 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen - NM Tôn Hoa Sen Phú Mỹ
- 75 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Phú Thọ
- 76 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Thái Bình
- 77 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Hà Nam
- 78 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Quảng Trị
- 79 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Ngọc Hồi
- 80 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Hà Trung
- 81 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Hưng Yên
- 82 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Nam Định
- 83 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Quảng Bình
- 84 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Cư Jút - Đắk Nông
- 85 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Hải Phòng
- 86 . CN Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Chư Sê - Gia Lai
- 87 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Vĩnh Phúc
- 88 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Thái Nguyên
- 89 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Bắc Kạn
- 90 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Diễn Châu - Nghệ An
- 91 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Hà Giang
- 92 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Mỹ Hòa - An Giang
- 93 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Đức Hòa - Long An
- 94 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Trảng Bom - Đồng Nai
- 95 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Tây Ninh
- 96 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Bắc Giang
- 97 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Tân Châu - Tây Ninh
- 98 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Long Biên - Hà Nội
- 99 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Chương Mỹ - Hà Nội
- 100 . CN Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Bà Rịa
- 101 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Bình Long - Bình Phước
- 102 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Phúc Thọ - Hà Nội
- 103 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Thường Tín - Hà Nội
- 104 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Vĩnh Châu - Sóc Trăng
- 105 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Mộc Châu - Sơn La
- 106 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Ea H'Leo - Đắk Lắk
- 107 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Hòn Đất - Kiên Giang
- 108 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Đắk Đoa - Gia Lai
- 109 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Ô Môn - Cần Thơ
- 110 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Tây Sơn - Bình Định
- 111 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Bắc Ninh
- 112 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Kiến An - Hải Phòng
- 113 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Lai Châu

**BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**QUÝ I NIÊN ĐỘ 2018 - 2019**

**Từ 01 - 10 - 2018 đến 31 - 12 - 2018**

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ được ghi chú bằng đồng tiền khác)

- 114 . Chi nhánh số 02 Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Cái Răng - TP Cần Thơ
- 115 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Lộc Ninh - Bình Phước
- 116 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Đoàn Hùng - Phú Thọ
- 117 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Dầu Tiếng - Bình Dương
- 118 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Hải Dương
- 119 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Móng Cái - Quảng Ninh
- 120 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Kỳ Anh - Hà Tĩnh
- 121 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Tân Long - Hậu Giang
- 122 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Cư M'gar - Đắk Lắk
- 123 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Tiểu Cần - Trà Vinh
- 124 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Mai Sơn - Sơn La
- 125 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Phú Quốc - Kiên Giang
- 126 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Cái Nước - Cà Mau
- 127 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Tân Biên - Tây Ninh
- 128 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Mộ Đức - Quảng Ngãi
- 129 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Ninh Hòa - Khánh Hòa
- 130 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Cư Kuin - Đắk Lắk
- 131 . CN Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Yên Khánh - Ninh Bình
- 132 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Hải Hậu - Nam Định
- 133 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Dương Kinh - Hải Phòng
- 134 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Chí Linh - Hải Dương
- 135 . CN Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Long Hồ - Vĩnh Long
- 136 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Kim Động - Hưng Yên
- 137 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Hồng Dân - Bạc Liêu
- 138 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Vĩnh Lợi - Bạc Liêu
- 139 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Thanh Miện - Hải Dương
- 140 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Lục Ngạn - Bắc Giang
- 141 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Yên Định - Thanh Hóa
- 142 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Thái Hòa - Nghệ An
- 143 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại An Nhơn - Bình Định
- 144 . Chi Nhánh số 2 Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Hòn Đất - Kiên Giang
- 145 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Hưng Nguyên - Nghệ An
- 146 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Thọ Xuân - Thanh Hóa
- 147 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Hoàng Mai - Nghệ An
- 148 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Bát Xát - Lào Cai
- 149 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Nông Cống - Thanh Hóa
- 150 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Triệu Sơn Thanh Hóa
- 151 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Bù Đốp - Bình Phước
- 152 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Cẩm Thủy - Thanh Hóa
- 153 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Long Mỹ - Hậu Giang
- 154 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Điện Biên
- 155 . CN Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Krông Ana - Đắk Lắk
- 156 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Tịnh Biên - An Giang
- 157 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Đờ Lơng - Nghệ An
- 158 . CN Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Đông Triều - Quảng Ninh

**BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**QUÝ I NIÊN ĐỘ 2018 - 2019**

**Từ 01 - 10 - 2018 đến 31 - 12 - 2018**

*(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ được ghi chú bằng đồng tiền khác)*

- 159 . Chi Nhánh Số 2 Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Yên Khánh - Ninh Bình
- 160 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Triệu Phong - Quảng Trị
- 161 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Hương Khê - Hà Tĩnh
- 162 . Chi Nhánh Số 2 Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Gò Dầu - Tây Ninh
- 163 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Tĩnh Gia - Thanh Hóa
- 164 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Yên Thành - Nghệ An
- 165 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Dương Minh Châu - Tây Ninh
- 166 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Tân Kỳ - Nghệ An
- 167 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Thới Bình - Cà Mau
- 168 . CN Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Bình Lục - Hà Nam
- 169 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Ba Đồn - Quảng Bình
- 170 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Bồ Trạch - Quảng Bình
- 171 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại ChưPrông - Gia Lai
- 172 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Tứ Kỳ - Hải Dương
- 173 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Đức Thọ - Hà Tĩnh
- 174 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Nam Trực - Nam Định
- 175 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Hưng Hà - Thái Bình
- 176 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Phổ Yên - Thái Nguyên
- 177 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Việt Yên Bắc Giang
- 178 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Tiên Lãng - Hải Phòng
- 179 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Vĩnh Bảo - Hải Phòng
- 180 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Từ Sơn - Bắc Ninh
- 181 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại M'Đrăk - Đắk Lắk
- 182 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Lạc Sơn - Hòa Bình
- 183 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Hồng Lĩnh - Hà Tĩnh
- 184 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Cầu Ngang - Trà Vinh
- 185 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại An Phú - Bình Dương
- 186 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Ngã Năm - Sóc Trăng
- 187 . CN Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Tân Lạc - Hòa Bình
- 188 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Giao Thủy - Nam Định
- 189 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Tánh Linh - Bình Thuận
- 190 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Hiệp Hòa - Bắc Giang
- 191 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen - Tại Quỳnh Phụ Thái Bình
- 192 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Đầm Dơi - Cà Mau
- 193 . Chi Nhánh Số 02 Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Thị Xã Phú Thọ
- 194 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Cẩm Phả - Quảng Ninh
- 195 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Kinh Môn - Hải Dương
- 196 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Yên Dũng - Bắc Giang
- 197 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Thọại Sơn - An Giang
- 198 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Tam Điệp - Ninh Bình
- 199 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Quế Võ - Bắc Ninh
- 200 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Kim Bôi - Hòa Bình
- 201 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Nam Cấm - Nghệ An
- 202 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Thanh Chương - Nghệ An
- 203 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Sông Mã - Sơn La

**BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**QUÝ I NIÊN ĐỘ 2018 - 2019**

**Từ 01 - 10 - 2018 đến 31 - 12 - 2018**

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ được ghi chú bằng đồng tiền khác)

- 204 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Tuần Giáo - Điện Biên
- 205 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Vĩnh Linh - Quảng Trị
- 206 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Hoài Nhơn - Bình Định
- 207 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Bình Sơn - Quảng Ngãi
- 208 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Đức Nhuận - Quảng Ngãi
- 209 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Kim Sơn - Ninh Bình
- 210 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Nho Quan - Ninh Bình
- 211 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Sông Cầu - Phú Yên
- 212 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Long Phú - Sóc Trăng
- 213 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Cẩm Khê - Phú Thọ
- 214 . CN Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Yên Bình - Yên Bái
- 215 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Yên Lạc - Vĩnh Phúc
- 216 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Đức Phổ - Quảng Ngãi
- 217 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Hàm Yên - Tuyên Quang
- 218 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Mỹ Hào - Hưng Yên
- 219 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Phú Mỹ - An Giang
- 220 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Cần Đước - Long An
- 221 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Châu Thành - Long An
- 222 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Quy Nhơn - Bình Định
- 223 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Hòa Bình - Bà Rịa - Vũng Tàu
- 224 . Chi Nhánh Số 2 - Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Cà Mau
- 225 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Thới Lai - Cần Thơ
- 226 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Thanh Sơn - Phú Thọ
- 227 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Gia Bình - Bắc Ninh
- 228 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Thành Phố Tuyên Quang
- 229 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Gò Quao - Kiên Giang
- 230 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Châu Thành - Tây Ninh
- 231 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Hòa Bình - Bạc Liêu
- 232 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Đức Huệ - Long An
- 233 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Buôn Ma Thuột - Đắk Lắk
- 234 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Thị Xã Nghĩa Lộ - Yên Bái
- 235 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Krông Búk - Đắk Lắk
- 236 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Hoài Ân - Bình Định
- 237 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Buôn Đôn - Đắk Lắk
- 238 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Hoàng Hóa - Thanh Hóa
- 239 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Nghi Lộc - Nghệ An
- 240 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Quỳnh Hợp - Nghệ An
- 241 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Lạng Giang - Bắc Giang
- 242 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Quảng Yên - Quảng Ninh
- 243 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Quảng Xương - Thanh Hóa
- 244 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Đức Tân - Bình Thuận
- 245 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Than Uyên - Lai Châu
- 246 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Can Lộc - Hà Tĩnh
- 247 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Vạn Ninh - Khánh Hòa
- 248 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Sông Hinh - Phú Yên

- 249 . Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen Tại Nga Sơn - Thanh Hóa
- 250 . Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen Tại Đại Từ - Thái Nguyên
- 251 . Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen Tại Châu Thành - Sóc Trăng
- 252 . Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen Tại Bến Cầu - Tây Ninh
- 253 . Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen Tại U Minh Thượng - Kiên Giang
- 254 . Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen Tại Tiên Lữ - Hưng Yên
- 255 . Chi nhánh số 2 Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen Tại Mỹ Hào - Hưng Yên
- 256 . Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen Tại Thiệu Hóa - Thanh Hóa
- 257 . Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen Tại Sơn Hà - Quảng Ngãi
- 258 . Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen Tại An Thạnh - Bình Dương
- 259 . Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen Tại Lý Nhân - Hà Nam
- 260 . Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen Tại Phong Điền - Thừa Thiên Huế
- 261 . Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen Tại Dương Đông - Kiên Giang
- 262 . Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen Tại Lạc Thủy - Hòa Bình
- 263 . Chi nhánh số 2 Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen Tại Thới Bình - Cà Mau
- 264 . Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen Tại Phước Long - Bạc Liêu
- 265 . Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen Tại Vị Thủy - Hậu Giang
- 266 . Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen tại Phúc Yên - Vĩnh Phúc
- 267 . Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen tại Nghĩa Hành - Quảng Ngãi
- 268 . Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen Tại Ngọc Lặc - Thanh Hóa
- 269 . Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen Tại Tân Sơn - Phú Thọ
- 270 . Chi nhánh Số 2 Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen Tại Bắc Giang
- 271 . Chi nhánh Số 2 Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen Tại Đoan Hùng - Phú Thọ
- 272 . Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen Tại Đông Sơn - Thanh Hóa
- 273 . Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen Tại Thành phố Hạ Long - Quảng Ninh
- 274 . Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen Tại Văn Yên - Yên Bái
- 275 . Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen Tại Châu Thành - An Giang
- 276 . Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen Tại Yên Lập - Phú Thọ
- 277 . Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen Tại Đông Hà - Quảng Trị
- 278 . Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen Tại Long Thành - Đồng Nai
- 279 . CN Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen Tại Châu Thành A - Hậu Giang
- 280 . Chi nhánh số 2 Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen Tại Quy Nhơn - Bình Định
- 281 . Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen Tại Vụ Bản - Nam Định
- 282 . Chi nhánh số 2 Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen Tại Tuy Phước - Bình Định
- 283 . Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen tại Hắc Dịch - Bà Rịa - Vũng Tàu
- 284 . Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen Tại Trương Dương - Nghệ An
- 285 . Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen Tại Ân Thi - Hưng Yên
- 286 . Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen tại Văn Chấn - Yên Bái
- 287 . Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen Tại Krông Nô - Đắk Nông
- 288 . Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen tại Gia Viễn - Ninh Bình
- 289 . Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen Tại Tịnh An - Quảng Ngãi
- 290 . Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen Tại Phú Bình - Thái Nguyên
- 291 . Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen Tại Krông Bông - Đắk Lắk
- 292 . Chi nhánh Số 2 Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen tại Cam Ranh - Khánh Hòa
- 293 . Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen Tại Bảo Yên - Lào Cai

- 294 . Chi Nhánh Số 2 Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Gia Nghĩa - Đắk Nông
- 295 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Ba Vì - Hà Nội
- 296 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Hà Tiên - Kiên Giang
- 297 . Chi Nhánh Số 2 Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Mai Sơn - Sơn La
- 298 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Vũng Tàu
- 299 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại La Gi - Bình Thuận
- 300 . Chi Nhánh Số 2 Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Tịnh Biên - An Giang
- 301 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Bá Thước - Thanh Hóa
- 302 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Yên Thủy - Hòa Bình
- 303 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Thạch Thành - Thanh Hóa
- 304 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Hương Sơn - Hà Tĩnh
- 305 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Lục Nam - Bắc Giang
- 306 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại An Lão - Hải Phòng
- 307 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Kiến Thụy - Hải Phòng
- 308 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Bảo Thành - Nghệ An
- 309 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Bảo Thắng - Lào Cai
- 310 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Tam Đường - Lai Châu
- 311 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Thuận Châu - Sơn La
- 312 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Chiêm Hóa - Tuyên Quang
- 313 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Sơn Dương - Tuyên Quang
- 314 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Quảng Điền - Thừa Thiên Huế
- 315 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Kim Bảng - Hà Nam
- 316 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Thịnh Đức - Thái Nguyên
- 317 . Chi Nhánh Số 2 Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Quảng Xương - Thanh Hóa
- 318 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Nghĩa Hưng - Nam Định
- 319 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Lương Sơn - Hòa Bình
- 320 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Phù Yên - Sơn La
- 321 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Thái Thụy - Thái Bình
- 322 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Cát Lẻm - Phú Thọ
- 323 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Ea Đrăng - Đắk Lắk
- 324 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Lập Thạch - Vĩnh Phúc
- 325 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Vị Xuyên - Hà Giang
- 326 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Đông Hòa - Phú Yên
- 327 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Tịnh Hà - Quảng Ngãi
- 328 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Yên Phong - Bắc Ninh
- 329 . Chi Nhánh Số 2 Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Diên Khánh - Khánh Hòa
- 330 . Chi Nhánh Số 2 Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Buôn Ma Thuột - Đắk Lắk
- 331 . Chi Nhánh Số 2 Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Cư Kuin - Đắk Lắk
- 332 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Vân Canh - Bình Định
- 333 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Thành Phố Lào Cai
- 334 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Sầm Sơn - Thanh Hóa
- 335 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Nha Trang - Khánh Hòa
- 336 . Chi Nhánh Số 2 Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Krông Pắc - Đắk Lắk
- 337 . Chi Nhánh Số 2 Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Ninh Hòa - Khánh Hòa
- 338 . Chi Nhánh Số 2 Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Vạn Ninh - Khánh Hòa

- 339 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Kiến Xương - Thái Bình
- 340 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Quỳnh Châu - Nghệ An
- 341 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Chư Păh - Gia Lai
- 342 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Cam Lộ - Quảng Trị
- 343 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Tiền Hải - Thái Bình
- 344 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Bình Chánh
- 345 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Ea Knốp - Đắk Lắk
- 346 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Lắk - Đắk Lắk
- 347 . Chi Nhánh Số 2 Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Phù Cát - Bình Định
- 348 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại An Lão - Bình Định
- 349 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Bình Minh - Tây Ninh
- 350 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Cao Phong - Hòa Bình
- 351 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Tiên Yên - Quảng Ninh
- 352 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Thủy Nguyên - Hải Phòng
- 353 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Gio Linh - Quảng Trị
- 354 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Sơn Thành - Phú Yên
- 355 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Suối Tân - Khánh Hòa
- 356 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Mỹ Ca - Khánh Hòa
- 357 . Chi Nhánh Số 2 Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Thọ Xuân Thanh Hóa
- 358 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Hậu Lộc - Thanh Hóa
- 359 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Trấn Yên - Yên Bái
- 360 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Mê Linh - Hà Nội
- 361 . Chi Nhánh Số 2 Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Tây Sơn - Bình Định
- 362 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Bình Dương - Bình Định
- 363 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Đức An - Đắk Nông
- 364 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Quy Đạt - Quảng Bình
- 365 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Quảng Ninh - Quảng Bình
- 366 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Ba Tơ - Quảng Ngãi
- 367 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Tuyên Hóa - Quảng Bình
- 368 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Hòa Thắng - Đắk Lắk
- 369 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Mỹ Đức - Hà Nội
- 370 . Chi Nhánh số 2 Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Cư M'gar - Đắk Lắk
- 371 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Quốc Oai - Hà Nội
- 372 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Sơn Tây - Hà Nội
- 373 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Đồng Hới - Quảng Bình
- 374 . Chi Nhánh số 2 Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Lệ Thủy - Quảng Bình
- 375 . Chi Nhánh số 2 Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Bình Sơn - Quảng Ngãi
- 376 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Suối Đá - Tây Ninh
- 377 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Lệ Thủy - Quảng Bình
- 378 . Chi Nhánh số 2 Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Đồng Hới - Quảng Bình
- 379 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Thanh Điền - Tây Ninh
- 380 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Vĩnh Thạnh - Bình Định
- 381 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Cao Lộc - Lạng Sơn
- 382 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Khe Sanh - Quảng Trị
- 383 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Đông Hưng - Thái Bình



**BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**QUÝ I NIÊN ĐỘ 2018 - 2019**

**Từ 01 - 10 - 2018 đến 31 - 12 - 2018**

*(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ được ghi chú bằng đồng tiền khác)*

- 384 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Sông Lô - Vĩnh Phúc
- 385 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Nam Đàn - Nghệ An
- 386 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Anh Sơn - Nghệ An
- 387 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Kim Thành - Hải Dương
- 388 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Kỳ Tiến - Hà Tĩnh
- 389 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Quảng Trạch - Thanh Hóa
- 390 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Hữu Lũng - Lạng Sơn
- 391 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Thành Phố Hà Giang
- 392 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Mỹ Lộc - Nam Định
- 393 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Trấn Cồn - Nam Định
- 394 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Mường La - Sơn La
- 395 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Yên Sơn - Tuyên Quang
- 396 . Chi Nhánh Số 2 Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Thành Phố Tuyên Quang
- 397 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Thị Trấn Rịa - Ninh Bình
- 398 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Yên Mô - Ninh Bình
- 399 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Ninh Sơn - Tây Ninh
- 400 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Thạch Hà - Hà Tĩnh
- 401 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Diêm Điền - Thái Bình
- 402 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Chợ Cá - Chương Mỹ
- 403 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Hạ Hòa - Phú Thọ
- 404 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Thanh Ba - Phú Thọ
- 405 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Phù Ninh - Phú Thọ
- 406 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Phong Thổ - Lai Châu
- 407 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Sóc Sơn - Hà Nội
- 408 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại La Ngà - Quảng Ngãi
- 409 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Nghĩa Kỳ - Quảng Ngãi
- 410 . Chi Nhánh Số 3 Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Diên Khánh - Ninh Hòa
- 411 . Chi Nhánh Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen tại Biên Hoà - Đồng Nai
- 412 . Chi Nhánh Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen tại Bình Xuyên - Vĩnh Phúc
- 413 . Chi Nhánh Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen tại Thạch Thất - Hà Nội
- 414 . Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen - Chi Nhánh Tỉnh Tây Ninh
- 415 . Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen - Chi Nhánh Tỉnh Thanh Hóa
- 416 . Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen - Chi Nhánh Tỉnh Bình Định
- 417 . Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen - Chi Nhánh Tỉnh Phú Yên
- 418 . Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen - Chi Nhánh Tỉnh Đắk Nông
- 419 . Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen - Chi Nhánh Tỉnh Nam Định
- 420 . Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen - Chi Nhánh Tỉnh Long An
- 421 . Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen - Chi Nhánh Tỉnh Hải Dương
- 422 . Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen - Chi Nhánh Tỉnh Bình Phước
- 423 . Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen - Chi Nhánh Tỉnh Quảng Ngãi
- 424 . Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen - Chi Nhánh Tỉnh Gia Lai
- 425 . Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen - Chi Nhánh Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
- 426 . Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen - Chi Nhánh Tỉnh Lai Châu
- 427 . Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen - Chi Nhánh Tỉnh Thừa Thiên Huế
- 428 . Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen - Chi Nhánh Tỉnh Khánh Hòa

**BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**QUÝ I NIÊN ĐỘ 2018 - 2019**

**Từ 01 - 10 - 2018 đến 31 - 12 - 2018**

*(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ được ghi chú bằng đồng tiền khác)*

- 429 . Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen - Chi Nhánh Tỉnh Bình Thuận
- 430 . Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen - Chi Nhánh Thành Phố Hà Nội
- 431 . Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen - Chi Nhánh Tỉnh Nghệ An
- 432 . Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen - Chi Nhánh Tỉnh Vĩnh Phúc
- 433 . Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen - Chi Nhánh Tỉnh Kon Tum
- 434 . Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen - Chi Nhánh Tỉnh Lạng Sơn
- 435 . Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen - Chi Nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh
- 436 . Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen - Chi Nhánh Tỉnh Đồng Nai
- 437 . Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen - Chi Nhánh Thành Phố Hải Phòng
- 438 . Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen - Chi Nhánh Tỉnh Điện Biên
- 439 . Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen - Chi Nhánh Tỉnh Sóc Trăng
- 440 . Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen - Chi Nhánh Tỉnh Quảng Trị
- 441 . Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen - Chi Nhánh Tỉnh An Giang
- 442 . Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen - Chi Nhánh Tỉnh Bình Dương
- 443 . Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen - Chi Nhánh Tỉnh Đắk Lắk
- 444 . Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen - Chi Nhánh Tỉnh Hậu Giang
- 445 . Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen - Chi Nhánh Tỉnh Trà Vinh
- 446 . Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen - Chi Nhánh Tỉnh Bạc Liêu
- 447 . Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen - Chi Nhánh Tỉnh Cà Mau
- 448 . Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen - Chi Nhánh Tỉnh Hà Giang
- 449 . Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen - Chi Nhánh Tỉnh Bắc Ninh
- 450 . Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen - Chi Nhánh Tỉnh Phú Thọ
- 451 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Chi Lăng - Lạng Sơn
- 452 . Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen - Chi Nhánh Tỉnh Hòa Bình
- 453 . Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen - Chi Nhánh Tỉnh Hà Nam
- 454 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Bắc Sơn - Lạng Sơn
- 455 . Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen - Chi Nhánh Tỉnh Thái Bình
- 456 . Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen - Chi Nhánh Tỉnh Tuyên Quang
- 457 . Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen - Chi Nhánh Tỉnh Vĩnh Long
- 458 . Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen - Chi Nhánh Tỉnh Ninh Bình
- 459 . Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen - Chi Nhánh Tỉnh Kiên Giang
- 460 . Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen - Chi Nhánh Tỉnh Hưng Yên
- 461 . Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen - Chi Nhánh Tỉnh Lào Cai
- 462 . Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen - Chi Nhánh Tỉnh Quảng Ninh
- 463 . Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen - Chi Nhánh Tỉnh Yên Bái
- 464 . Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen - Chi Nhánh Tỉnh Thái Nguyên
- 465 . Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen - Chi Nhánh Tỉnh Hà Tĩnh
- 466 . Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen - Chi Nhánh Tỉnh Quảng Bình
- 467 . Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen - Chi Nhánh Thành Phố Cần Thơ
- 468 . Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen - Chi Nhánh Tỉnh Bắc Giang
- 469 . Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen - Chi Nhánh Tỉnh Sơn La
- 470 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Tam Nông - Phú Thọ
- 471 . Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen - Chi Nhánh Tỉnh Quảng Nam
- 472 . Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen - Chi Nhánh Thành Phố Đà Nẵng

## BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### QUÝ I NIÊN ĐỘ 2018 - 2019

Từ 01 - 10 - 2018 đến 31 - 12 - 2018

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ được ghi chú bằng đồng tiền khác)

## II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 1- Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 10 và kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm sau

### 2- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong sổ kế toán là đồng Việt Nam (VNĐ)

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1- Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Hệ thống kế toán Việt Nam

### 2- Tuyên bố về tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Sổ sách kế toán được ghi chép theo hệ thống kế toán Việt Nam và các chuẩn mực kế toán Việt Nam ban hành bởi Bộ Tài Chính như sau :

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành và công bố 4 chuẩn mực kế toán đợt 1
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán đợt 2
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán đợt 3
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/12/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán đợt 4
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28/12/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành và công bố 4 chuẩn mực kế toán đợt 5
- Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành Chế độ kế toán doanh nghiệp
- Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ kế toán doanh nghiệp

### 3- Hình thức kế toán áp dụng

Hình thức sổ sách kế toán: chứng từ ghi sổ

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1- Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

- Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.
- Đồng Việt Nam (VNĐ) được sử dụng làm tiền tệ hạch toán để lập các báo cáo tài chính. Các đồng tiền khác phát sinh được ghi theo nguyên tệ và quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch của nghiệp vụ kinh tế phát sinh, hoặc tỷ giá mua bán thực tế bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế.

### 2- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Giá trị hàng tồn kho được thể hiện theo giá gốc, trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì thể hiện theo giá trị thuần có thể thực hiện được.
- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: phương pháp kê khai thường xuyên.

## BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### QUÝ I NIÊN ĐỘ 2018 - 2019

Từ 01 - 10 - 2018 đến 31 - 12 - 2018

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ được ghi chú bằng đồng tiền khác)

#### 3- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình  
Nguyên giá của một tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng.  
Các tài sản được ghi nhận là tài sản cố định hữu hình phải thỏa mãn đồng thời tất cả bốn (4) tiêu chuẩn ghi nhận sau:
  - (a) Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó;
  - (b) Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách đáng tin cậy;
  - (c) Thời gian sử dụng ước tính trên 1 năm;
  - (d) Có đủ tiêu chuẩn giá trị theo quy định hiện hànhCác tài sản được ghi nhận là tài sản cố định vô hình phải thỏa mãn đồng thời
  - Định nghĩa về tài sản cố định vô hình và;
  - Bốn (4) tiêu chuẩn ghi nhận của tài sản cố định hữu hình
- Phương pháp khấu hao tài sản cố định (hữu hình, vô hình và thuê tài chính)  
Khấu hao tài sản cố định được tính trừ vào nguyên giá theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản, tỉ lệ khấu hao phù hợp với thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013. Thời gian khấu hao bình quân ước tính theo nhóm tài sản như sau:
  - Nhà xưởng, vật kiến trúc 06 - 40 năm
  - Máy móc thiết bị 06 - 12 năm
  - Phương tiện vận tải 06 - 10 năm
  - Dụng cụ quản lý 03 - 05 năm
  - TSCĐ hữu hình khác 03 - 05 năm
  - Quyền sử dụng đất 07 - 48 năm
  - Phần mềm kế toán, quản lý 3 năm

#### 4- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác

- Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí khác  
Chi phí trả trước dài hạn được vốn hóa để phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh bao gồm: chi phí trả trước về thuê nhà xưởng, nhà kho văn phòng cho một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh; chi phí trả trước về thuê dịch vụ cung cấp cho hoạt động kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh; chi phí mua các loại bảo hiểm (bảo hiểm cháy, nổ, bảo hiểm trách nhiệm dân sự chủ phương tiện vận tải, bảo hiểm thân xe....) và các loại lệ phí mua và trả một lần trong năm; công cụ, dụng cụ thuộc tài sản lưu động xuất dùng một lần với giá trị lớn và công thời cụ, dụng cụ có thời gian sử dụng trên một năm
- Phương pháp phân bổ chi phí trả trước  
Phương pháp phân bổ chi phí trả trước theo phương pháp đường thẳng

#### 5- Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả được trình bày trong báo cáo tài chính là các khoản chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ chưa phát sinh

#### 6- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

- Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu  
Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu
- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá  
Chênh lệch tỷ giá phát sinh do việc chuyển đổi ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền (tiền, các khoản nợ phải thu và các khoản nợ phải trả) có gốc ngoại tệ theo tỷ giá qui định được ghi nhận vào khoản mục doanh thu tài chính hoặc chi phí tài chính trên bảng kết quả hoạt động kinh doanh

**7- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ  
Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn tất cả năm điều kiện sau:
  - (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá cho người mua;
  - (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
  - (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
  - (d) Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng
  - (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng
- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia  
Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi thoả mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau :
  - (a) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó
  - (b) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia  
Thu nhập khác được thể hiện trong báo cáo tài chính bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu
  - Thu về thanh lý TSCĐ, nhượng bán TSCĐ
  - Thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng
  - Các khoản thu khác

**8- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí lãi vay phát sinh có liên quan đến các khoản vay dùng để đầu tư hoạt động kinh doanh trong kỳ được ghi nhận vào chi phí tài chính trên bảng kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực "Chi phí đi vay"

Các khoản lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc chuyển đổi ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền (tiền, các khoản nợ phải thu và các khoản nợ phải trả) có gốc ngoại tệ theo tỷ giá quy định được ghi nhận vào khoản mục chi phí tài chính trên bảng kết quả hoạt động kinh doanh

**9- Nguyên tắc ghi nhận phải thu thương mại**

Khoản phải thu được trình bày trong báo cáo tài chính là các khoản phải thu thương mại từ khách hàng và các khoản công nợ khác bao gồm cả những khoản công nợ khó đòi.

**10- Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác**

Khoản phải trả được trình bày trong báo cáo tài chính là các khoản phải trả cho nhà cung cấp và các khoản công nợ phải trả khác

Công ty trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp như sau:

- Bảo hiểm xã hội được trích trên tổng quỹ lương vào giá thành và chi phí là 17,5 % và 8% trừ vào lương cán bộ công nhân viên
- Bảo hiểm y tế được trích trên tổng quỹ lương vào giá thành và chi phí là 3% và 1,5% trừ vào lương cán bộ công nhân viên
- Bảo hiểm thất nghiệp được trích trên tổng quỹ lương vào giá thành và chi phí là 1% và 1% trừ vào lương cán bộ công nhân viên

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA SEN**  
**BCTC HỢP NHẤT**  
**BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**QUÝ I NIÊN ĐỘ 2018 - 2019**

**Mẫu số B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC Ngày  
 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

Từ 01 - 10 - 2018 đến 31 - 12 - 2018

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ được ghi chú bằng đồng tiền khác)

**V- Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán**

<b>1- Tiền</b>	<b>Cuối kỳ 31/12/2018</b>	<b>Đầu kỳ 01/10/2018</b>
Tiền mặt	62.182.862.594	49.171.111.805
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	315.911.555.155	409.373.357.409
Tiền đang chuyển	1.248.000	726.553.560
Các khoản tương đương tiền	45.629.397.129	32.808.807.893
<b>Cộng</b>	<b>423.725.062.878</b>	<b>492.079.830.667</b>

<b>2- Các khoản đầu tư tài chính:</b>	<b>Cuối kỳ 31/12/2018</b>	<b>Đầu kỳ 01/10/2018</b>
<b>a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>		
<b>Ngắn hạn</b>	<b>270.387.032</b>	<b>270.387.032</b>
Tiền gửi có kỳ hạn	270.387.032	270.387.032
<b>Dài hạn</b>	<b>62.600.000.000</b>	<b>62.600.000.000</b>
Trái phiếu	62.600.000.000	62.600.000.000
<b>Cộng</b>	<b>62.870.387.032</b>	<b>62.870.387.032</b>

**b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

<b>Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</b>	<b>Cuối kỳ 31/12/2018</b>			<b>Đầu kỳ 01/10/2018</b>		
	<b>Giá trị khoản đầu tư</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>Giá trị hợp lý</b>	<b>Giá trị khoản đầu tư</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>Giá trị hợp lý</b>
+ Cty CP Hoa Sen Qui Nhon	-	-	28.616.923.317	-	-	28.616.923.317
+ Cty Cổ phần Đầu Tư Hạ Tầng Khu Công Nghiệp Hoa Sen Du Long	-	-	7.740.754.684	-	-	7.740.754.684
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>36.357.678.001</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>36.357.678.001</b>

**3- Phải thu khách hàng và trả trước cho người bán**

<b>3.1 - Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>	<b>Cuối kỳ 31/12/2018</b>	<b>Đầu kỳ 01/10/2018</b>
Các bên khác	1.099.705.062.272	1.650.385.760.846
Các bên liên quan	424.894.661.738	254.186.679
<b>Cộng</b>	<b>1.524.599.724.010</b>	<b>1.650.639.947.525</b>
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	(5.973.565.779)	(6.320.472.859)
<b>Giá trị thuần</b>	<b>1.518.626.158.231</b>	<b>1.644.319.474.666</b>

<b>3.2 - Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>Cuối kỳ 31/12/2018</b>	<b>Đầu kỳ 01/10/2018</b>
Các bên khác	267.573.838.563	296.532.254.907
Các bên liên quan	-	-
<b>Cộng</b>	<b>267.573.838.563</b>	<b>296.532.254.907</b>

**BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
QUÝ I NIÊN ĐỘ 2018 - 2019**

Từ 01 - 10 - 2018 đến 31 - 12 - 2018

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ được ghi chú bằng đồng tiền khác)

**4- Các khoản phải thu khác****4.1- Ngắn hạn**

	Cuối kỳ 31/12/2018	Đầu kỳ 01/10/2018
Tạm ứng để mua đất	45.462.225.000	90.183.227.000
Tạm ứng cho nhân viên	28.783.411.290	28.855.016.820
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	583.400.023	1.083.932.473
Phải thu các bên liên quan	-	1.702.805.645
Bồi thường giải phóng mặt bằng	20.000.000.000	20.000.000.000
Chuyển nhượng CP Gemadept	15.665.290.474	15.665.290.474
Các khoản phải thu khác:	42.865.808.293	18.371.071.560
<b>Cộng</b>	<b>153.360.135.080</b>	<b>175.861.343.972</b>

**4.2- Dài hạn**

	Cuối kỳ 31/12/2018	Đầu kỳ 01/10/2018
Đặt cọc thuê mặt bằng	202.093.222.150	202.093.222.150
Ký quỹ, ký cược dài hạn	276.998.286	276.998.286
<b>Cộng</b>	<b>202.370.220.436</b>	<b>202.370.220.436</b>

**Tổng cộng**

Dự phòng nợ phải thu khác khó đòi	(1.640.000.000)	(1.640.000.000)
-----------------------------------	-----------------	-----------------

<b>Giá trị thuần</b>	<b>354.090.355.516</b>	<b>376.591.564.408</b>
----------------------	------------------------	------------------------

**5- Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	Cuối kỳ 31/12/2018	Đầu kỳ 01/10/2018
Phải thu các bên liên quan	-	3.660.295.900
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>3.660.295.900</b>

**6- Hàng tồn kho**

	Cuối kỳ 31/12/2018	Đầu kỳ 01/10/2018
Hàng mua đang đi trên đường	15.507.145.065	58.359.200.302
Nguyên liệu, vật liệu	2.421.176.508.331	3.138.626.504.785
Công cụ, dụng cụ	742.476.321.147	762.604.260.869
Chi phí sản xuất dở dang	155.689.519	17.520.962
Thành phẩm	1.871.478.343.052	2.094.837.111.880
Hàng hóa	675.589.171.158	593.241.574.702
<b>Cộng giá gốc</b>	<b>5.726.383.178.272</b>	<b>6.647.686.173.500</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(40.691.706.865)	(40.691.706.865)

\* Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm:

\* Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp cho các khoản nợ:

\* Lý do trích thêm hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA SEN**  
**BCTC HỢP NHẤT**  
**BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**QUÝ I NIÊN ĐỘ 2018 - 2019**

**Mẫu số B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC Ngày  
 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

Từ 01 - 10 - 2018 đến 31 - 12 - 2018

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ được ghi chú bằng đồng tiền khác)

**7- Chi phí trả trước**

<b>7.1- Ngắn hạn</b>	<b>Cuối kỳ 31/12/2018</b>	<b>Đầu kỳ 01/10/2018</b>
Chi phí quảng cáo	35.844.523.555	26.546.794.453
Chi phí thuê văn phòng, nhà xưởng, MMTB	24.631.481.387	25.738.770.696
Chi phí công cụ, dụng cụ	18.122.089.373	22.823.742.673
Chi phí tư vấn	3.423.634.313	2.765.970.828
Chi phí bảo hiểm	2.849.621.394	2.346.408.633
Chi phí sửa chữa	4.449.076.315	4.776.883.774
Khác	9.834.508.505	12.837.488.109
<b>Cộng</b>	<b>99.154.934.842</b>	<b>97.836.059.166</b>

<b>7.2- Dài hạn</b>	<b>Cuối kỳ 31/12/2018</b>	<b>Đầu kỳ 01/10/2018</b>
Chi phí công cụ, dụng cụ	161.561.668.458	167.262.012.258
Chi phí làm bảng hiệu	55.688.750.115	47.956.945.821
Chi phí san lấp mặt bằng	79.535.652.402	79.954.996.131
Chi phí sửa chữa	37.662.774.686	38.556.758.182
Chi phí thuê văn phòng, nhà xưởng, MMTB	109.776.519.743	117.850.134.718
Khác	19.754.190.779	24.117.177.006
<b>Cộng</b>	<b>463.979.556.183</b>	<b>475.698.024.116</b>

<b>8- Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>Cuối kỳ 31/12/2018</b>	<b>Đầu kỳ 01/10/2018</b>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		
Mua sắm	1.086.585.484.290	980.184.817.070
Xây dựng cơ bản	454.288.938.610	482.286.640.081
Giải phóng mặt bằng	38.794.072.000	38.794.072.000
Sửa chữa lớn TSCĐ	8.835.854.397	8.198.877.595
Khác	-	3.309.934.509
<b>Cộng</b>	<b>1.588.504.349.297</b>	<b>1.512.774.341.255</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA SEN**  
**BCTC HỢP NHẤT**  
**BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**QUÝ I NIÊN ĐỘ 2018 - 2019**

**Mẫu số B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC Ngày  
 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

Từ 01 - 10 - 2018 đến 31 - 12 - 2018

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ được ghi chú bằng đồng tiền khác)

**9 - Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình:**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá TSCĐ hữu hình</b>						
Số dư đầu kỳ	2.061.707.595.837	8.935.015.328.466	476.339.327.088	64.460.717.419	26.259.183.287	11.563.782.152.097
* Mua trong kỳ	7.998.324.969	178.268.296.529	34.669.156.457	7.769.630.948	-	228.705.408.903
* Đầu tư XDCB hoàn thành	104.450.345.533	45.882.165.908	-	-	-	150.332.511.441
* Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	63.466.329.683	-	-	-	63.466.329.683
* Tăng khác	-	-	-	-	-	-
* Thanh lý, nhượng bán	8.690.888.774	102.269.807.983	51.483.234.357	-	190.931.934	162.634.863.048
* Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	2.165.465.377.565	9.120.362.312.603	459.525.249.188	72.230.348.367	26.068.251.353	11.843.651.539.076
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu kỳ	455.597.596.643	3.206.820.420.265	186.785.736.619	22.353.261.855	20.554.925.180	3.892.111.940.562
* Khấu hao trong kỳ	28.277.606.682	225.066.287.384	14.133.021.845	2.575.165.259	805.587.137	270.857.668.307
* Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	54.579.018.751	-	-	-	54.579.018.751
* Tăng khác	-	-	-	-	-	-
* Thanh lý, nhượng bán	589.426.874	29.361.330.143	8.510.557.065	-	149.441.409	38.610.755.491
* Giảm khác	-	187.489.834	-	-	-	187.489.834
Số dư cuối kỳ	483.285.776.451	3.456.916.906.423	192.408.201.399	24.928.427.114	21.211.070.908	4.178.750.382.295
<b>Giá trị còn lại của TSCĐ HH</b>						
* Tại ngày đầu kỳ	1.606.109.999.194	5.728.194.908.201	289.553.590.469	42.107.455.564	5.704.258.107	7.671.670.211.535
* Tại ngày cuối kỳ	1.682.179.601.114	5.663.445.406.180	267.117.047.789	47.301.921.253	4.857.180.445	7.664.901.156.781

\* Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay:

\* Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

\* Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ chờ thanh lý:

\* Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai

\* Các thay đổi khác về TSCĐ hữu hình

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA SEN**  
**BCTC HỢP NHẤT**  
**BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**QUÝ I NIÊN ĐỘ 2018 - 2019**

**Mẫu số B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC Ngày  
 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

Từ 01 - 10 - 2018 đến 31 - 12 - 2018

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ được ghi chú bằng đồng tiền khác)

**10- Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính:**

Khoản mục	Máy móc thiết bị	Phương tiện VT, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ thuê tài chính khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá TSCĐ thuê TC</b>					-
Số dư đầu kỳ	145.305.609.552	72.264.862.646	18.636.363.636		236.206.835.834
- Thuê tài chính trong kỳ	-	-	-		-
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	63.466.329.683	-	-		63.466.329.683
Số dư cuối kỳ	81.839.279.869	72.264.862.646	18.636.363.636		172.740.506.151
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					-
Số dư đầu kỳ	87.619.756.338	8.224.376.030	209.339.975		96.053.472.343
- Khấu hao trong kỳ	6.194.584.514	2.591.720.951	469.738.481		9.256.043.946
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	54.579.018.751	-	-		54.579.018.751
- Trả lại TSCĐ thuê tài chính					-
Số dư cuối kỳ	39.235.322.101	10.816.096.981	679.078.456		50.730.497.538
<b>Giá trị còn lại của TSCĐ thuê TC</b>					-
- Tại ngày đầu kỳ	57.685.853.214	64.040.486.616	18.427.023.661		140.153.363.491
- Tại ngày cuối kỳ	42.603.957.768	61.448.765.665	17.957.285.180		122.010.008.613

- Tiền thuê phát sinh thêm được ghi nhận là chi phí trong năm ;
- Căn cứ để xác định tiền thuê phát sinh thêm;
- Điều khoản gia hạn thuê hoặc quyền được mua tài sản.

**11- Tăng, giảm tài sản cố định vô hình:**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Nhãn hiệu hàng hoá	Phần mềm máy vi tính	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá TSCĐ vô hình</b>						
Số dư đầu kỳ	308.177.659.765			46.891.492.615		355.069.152.380
* Tăng trong kỳ	-			-		-
* Thanh lý, nhượng bán	57.938.250.000			-		57.938.250.000
* Giảm khác	-			-		-
Số dư cuối kỳ	250.239.409.765	-	-	46.891.492.615	-	297.130.902.380
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu kỳ	34.162.595.531			8.090.696.283		42.253.291.814
* Tăng trong kỳ	870.589.489			1.928.314.435		2.798.903.924
* Thanh lý, nhượng bán	-			-		-
* Giảm khác	-			-		-
Số dư cuối kỳ	35.033.185.020	-	-	10.019.010.718		45.052.195.738
<b>Giá trị còn lại của TSCĐVH</b>						-
* Tại ngày đầu kỳ	274.015.064.234	-	-	38.800.796.332	-	312.815.860.566
* Tại ngày cuối kỳ	215.206.224.745	-	-	36.872.481.897	-	252.078.706.642

- \* Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay;
- \* Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng;
- \* Thuyết minh số liệu và giải trình khác

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA SEN**  
**BCTC HỢP NHẤT**  
**BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**QUÝ I NIÊN ĐỘ 2018 - 2019**

**Mẫu số B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC Ngày  
 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

Từ 01 - 10 - 2018 đến 31 - 12 - 2018

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ được ghi chú bằng đồng tiền khác)

12- Vay và nợ thuê tài chính	Cuối kỳ 31/12/2018	Đầu kỳ 01/10/2018
<b>a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn</b>	<b>8.457.656.611.063</b>	<b>10.879.859.929.887</b>
<i>Vay từ bên liên quan</i>	-	53.000.000.000
Công Ty Cổ Phần Hoa Sen Quy Nhơn	-	53.000.000.000
<i>Vay từ ngân hàng</i>	<b>8.041.706.036.762</b>	<b>10.059.404.503.735</b>
NH Malayan Banking Berhad CN Tp.HCM	79.118.355.797	-
NH Nông Nghiệp Và Phát Triển Nông Thôn Việt Nam, CN Sài Gòn	98.800.000.000	-
NH Sinopac, CN Thành Phố Hồ Chí Minh	127.000.000.000	135.900.000.000
NH Sumitomo Mitsui Banking Corporation - Cn Tp.HCM	46.000.000.000	125.000.000.000
NH Thương Mại Cổ Phần Công Thương Việt Nam - CN Hà Nam	-	27.000.000.000
NH Thương Mại Cổ Phần Công Thương Việt Nam - CN Nghệ An	383.966.117.856	751.935.188.536
NH TMCP Công Thương Việt Nam - CN Bà Rịa Vũng Tàu	166.246.515.640	204.379.110.451
NH TMCP Công Thương Việt Nam - Chi Nhánh Khu Công Nghiệp Phú Tài	-	50.117.954.760
NH TMCP Công Thương Việt Nam, CN Kcn Bình Dương	3.073.772.337.314	3.541.727.659.937
NH TMCP Đầu Tư Và Phát Triển Việt Nam, CN Sở Giao Dịch 2	1.071.376.628.424	1.506.882.107.382
NH TMCP Ngoại Thương Việt Nam, CN Nam Bình Dương	1.676.464.053.888	1.658.248.743.031
NH TMCP Ngoại Thương Việt Nam, CN Tp. HCM	104.055.134.322	475.537.223.222
NH TMCP Phát Triển Tp.Hồ Chí Minh	138.827.250.000	148.320.106.584
NH TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam - Cn Bình Dương	-	105.972.454.533
NH TNHH MTV Hsbc (Việt Nam)	928.064.491.213	1.035.502.713.540
NH TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam) - CN Thành Phố Hồ Chí Minh	-	17.000.000.000
NH TNHH MTV United Overseas Bank (Việt Nam)	148.015.152.308	167.856.828.967
NH Trách Nhiệm Hữu Hạn MTV Anz (Việt Nam)	-	108.024.412.792

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA SEN**  
**BCTC HỢP NHẤT**  
**BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**QUÝ I NIÊN ĐỘ 2018 - 2019**

**Mẫu số B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC Ngày  
 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

Từ 01 - 10 - 2018 đến 31 - 12 - 2018

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ được ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Cuối kỳ 31/12/2018	Đầu kỳ 01/10/2018
<b>12- Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)</b>		
<b><u>Vay dài hạn từ ngân hàng đến hạn trả</u></b>	<b><u>367.929.634.416</u></b>	<b><u>695.634.361.360</u></b>
NH Thương Mại Cổ Phần Bản Việt	6.607.589.500	9.101.429.500
NH Thương Mại Cổ Phần Công Thương Việt Nam - CN Yên Bái	5.588.908.995	5.588.908.995
NH TMCP Á Châu, Cn Tân Thuận	4.261.708.000	6.084.004.000
NH TMCP Công Thương Việt Nam - CN Bà Rịa Vũng Tàu	36.679.307.044	36.679.307.044
NH TMCP Công Thương Việt Nam - Chi Nhánh Khu Công Nghiệp Phú Tài	-	1.214.895.000
NH TMCP Công Thương Việt Nam, CN Kcn Bình Dương	225.802.120.877	515.644.771.861
NH TMCP Ngoại Thương Việt Nam, CN Nam Bình Dương	88.990.000.000	92.940.000.000
NH TMCP Quân Đội, Cn Bình Dương	-	3.381.044.964
NH TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam) - CN Thành Phố Hồ Chí Minh	-	24.999.999.996
	<b><u>48.020.939.885</u></b>	<b><u>71.821.064.792</u></b>
<b><u>Nợ dài hạn thuê tài chính đến hạn trả</u></b>		
Công Ty Cho Thuê Tài Chính Trách Nhiệm Hữu Hạn MTV Quốc Tế Chailease	4.151.250.000	5.535.000.000
Công Ty TNHH Cho Thuê Tài Chính Quốc Tế Việt Nam	5.842.419.332	7.789.892.447
Công Ty TNHH MTV Cho Thuê Tài Chính NH TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Thành Phố Hồ Chí Minh	26.328.010.592	44.139.787.585
Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn MTV Cho Thuê Tài Chính NH Á Châu	11.699.259.961	14.356.384.760
	<b><u>3.700.494.166.405</u></b>	<b><u>3.461.976.547.378</u></b>
<b>b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn</b>	<b><u>3.680.365.555.254</u></b>	<b><u>3.440.254.025.567</u></b>
<b><u>Vay từ ngân hàng</u></b>		
NH Thương Mại Cổ Phần Bản Việt	189.800.000	189.800.000
NH Thương Mại Cổ Phần Công Thương Việt Nam - CN Yên Bái	164.761.782.498	164.597.310.167
NH TMCP Á Châu, Cn Tân Thuận	3.053.814.000	3.312.574.000
NH TMCP Công Thương Việt Nam - CN Bà Rịa Vũng Tàu	64.188.787.324	73.358.614.085
NH TMCP Công Thương Việt Nam, CN Kcn Bình Dương	2.727.348.569.757	2.520.339.603.296
NH TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Vũng Tàu	314.471.938.735	302.181.929.656
NH TMCP Ngoại Thương Việt Nam, CN Nam Bình Dương	406.350.862.940	374.190.861.014
NH TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam) - CN Thành Phố Hồ Chí Minh	-	2.083.333.349

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA SEN**  
**BCTC HỢP NHẤT**  
**BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**QUÝ I NIÊN ĐỘ 2018 - 2019**

**Mẫu số B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC Ngày  
 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

Từ 01 - 10 - 2018 đến 31 - 12 - 2018

(Thế hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ được ghi chú bằng đồng tiền khác)

<b>b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (tiếp theo)</b>	<b>Cuối kỳ 31/12/2018</b>	<b>Đầu kỳ 01/10/2018</b>
<b><i>Nợ dài hạn thuê tài chính</i></b>	<b><i>20.128.611.151</i></b>	<b><i>21.722.521.811</i></b>
Công Ty Cho Thuê Tài Chính Trách Nhiệm Hữu Hạn MTV Quốc Tế Chailease	10.608.750.000	10.608.750.000
Công Ty TNHH Cho Thuê Tài Chính Quốc Tế Việt Nam	1.125.096.492	1.125.096.492
Công Ty TNHH MTV Cho Thuê Tài Chính NH TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Thành Phố Hồ Chí Minh	4.006.956.081	4.378.644.367
Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn MTV Cho Thuê Tài Chính Nh Á Châu	4.387.808.578	5.610.030.952
<b>Tổng Cộng (Vay và nợ)</b>	<b>12.158.150.777.468</b>	<b>14.341.836.477.265</b>

Tình hình tăng (giảm) các khoản vay và nợ thuê tài chính trong kỳ như sau:

<b>Vào ngày 01 tháng 10 năm 2018</b>	<b>14.341.836.477.265</b>
Tiền thu từ đi vay	4.739.119.725.910
Nợ thuê tài chính phát sinh	-
Tiền chi trả nợ gốc vay	6.897.411.390.140
Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	25.394.035.567
Chênh lệch tỷ giá	-
<b>Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018</b>	<b>12.158.150.777.468</b>

**Lịch thanh toán thuê tài chính**

	<b>Kỳ này</b>			<b>Kỳ trước</b>		
	Tổng khoản TT	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc	Tổng khoản TT	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc
Dưới 1 năm	58.397.610.639	3.553.787.470	54.843.823.169	76.968.318.611	5.147.253.819	71.821.064.792
Từ 1-5 năm	14.038.063.809	732.335.942	13.305.727.867	22.839.973.936	1.117.452.125	21.722.521.811
<b>Cộng</b>	<b>72.435.674.448</b>	<b>4.286.123.412</b>	<b>68.149.551.036</b>	<b>99.808.292.547</b>	<b>6.264.705.944</b>	<b>93.543.586.603</b>

**13- Phải trả người bán và người mua trả tiền trước**

**13.1 - Phải trả người bán ngắn hạn**

	<b>Cuối kỳ 31/12/2018</b>	<b>Đầu kỳ 01/10/2018</b>
Các bên khác	1.685.462.954.170	1.056.607.464.149
Các bên liên quan	7.558.675.103	10.014.360.305
<b>Cộng</b>	<b>1.693.021.629.273</b>	<b>1.066.621.824.454</b>

**13.2 - Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<b>Cuối kỳ 31/12/2018</b>	<b>Đầu kỳ 01/10/2018</b>
Các bên khác	140.627.208.877	119.030.033.688
Các bên liên quan	-	22.267.659.259
<b>Cộng</b>	<b>140.627.208.877</b>	<b>141.297.692.947</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA SEN**  
**BCTC HỢP NHẤT**  
**BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**QUÝ I NIÊN ĐỘ 2018 - 2019**

**Mẫu số B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC Ngày  
 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

Từ 01 - 10 - 2018 đến 31 - 12 - 2018

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ được ghi chú bằng đồng tiền khác)

**14- Thuế**

**14.1 - Phải trả**

	<b>Đầu kỳ</b> <b>01/10/2018</b>	<b>Tăng</b> <b>trong kỳ</b>	<b>Giảm</b> <b>trong kỳ</b>	<b>Cuối kỳ</b> <b>31/12/2018</b>
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	27.150.479.375	324.852.290.519	174.700.813.239	177.301.956.655
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	28.367.298.670	103.604.448.456	119.624.067.214	12.347.679.912
Thuế xuất, nhập khẩu	428.139.298	3.362.725.164	3.672.898.663	117.965.799
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.544.084.523	33.649.851.749	7.872.578.064	29.321.358.208
Thuế thu nhập cá nhân	2.024.109.408	4.301.836.736	3.853.371.318	2.472.574.826
Các loại thuế khác	4.152.384	4.300.372.025	4.235.248.410	69.275.999
<b>Cộng</b>	<b>61.518.263.658</b>	<b>474.071.524.649</b>	<b>313.958.976.908</b>	<b>221.630.811.399</b>

**14.2 - Phải thu**

	<b>Đầu kỳ</b> <b>01/10/2018</b>	<b>Tăng</b> <b>trong kỳ</b>	<b>Giảm</b> <b>trong kỳ</b>	<b>Cuối kỳ</b> <b>31/12/2018</b>
- Thuế GTGT được khấu trừ	1.453.616.036.730	31.623.074.150	222.861.281.472	1.262.377.829.408
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	30.121.058.199	305.974.375	4.328.493.541	26.098.539.033
- Các khoản thuế khác	47.894.117	171.248.705	17.952.415	201.190.407
<b>Cộng</b>	<b>1.483.784.989.046</b>	<b>32.100.297.230</b>	<b>227.207.727.428</b>	<b>1.288.677.558.848</b>

**15- Chi phí phải trả**

	<b>Cuối kỳ</b> <b>31/12/2018</b>	<b>Đầu kỳ</b> <b>01/10/2018</b>
Chi phí lương tháng 13	23.755.410.000	23.755.410.000
Chi phí lãi vay	598.943.787	18.508.663.534
Chi phí điện	6.355.379.300	10.652.297.935
Xây dựng Cơ bản	12.937.546.303	19.168.204.030
Chi phí vận chuyển	17.058.006.851	36.448.531.522
Chi phí khác	488.384.000	2.610.674.468
Dự phòng thuế	37.076.242.781	37.076.242.781
<b>Cộng</b>	<b>98.269.913.022</b>	<b>148.220.024.270</b>

**16- Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<b>Cuối kỳ</b> <b>31/12/2018</b>	<b>Đầu kỳ</b> <b>01/10/2018</b>
- BHXH, BHYT, BHTN và KPCĐ	792.894.240	6.813.958.570
- Phải trả cổ tức	4.612.950.425	4.627.477.425
- Phải trả bên liên quan	1.000.000.000	3.151.027.397
- Chiết khấu bộ chứng từ xuất khẩu	70.945.429.000	25.996.753.725
- Nhận đặt cọc dự thầu	10.788.038.568	21.763.098.327
- Ký quỹ LC cho ngân hàng	138.618.410.627	136.756.103.216
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	11.270.940.587	14.307.533.836
<b>Cộng</b>	<b>238.028.663.447</b>	<b>213.415.952.496</b>

**17- Dự phòng phải trả**

	<b>Cuối kỳ</b> <b>31/12/2018</b>	<b>Đầu kỳ</b> <b>01/10/2018</b>
- Dự phòng phải trả khác	3.712.433.500	3.712.433.500
<b>Cộng</b>	<b>3.712.433.500</b>	<b>3.712.433.500</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA SEN**  
**BCTC HỢP NHẤT**  
**BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**QUÝ I NIÊN ĐỘ 2018 - 2019**

**Mẫu số B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC Ngày  
 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

Từ 01 - 10 - 2018 đến 31 - 12 - 2018

(Thế hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ được ghi chú bằng đồng tiền khác)

**18- Tài sản thuế TNDN hoãn lại**

- Lợi nhuận chưa thực hiện
- Chi phí trích trước
- Các khoản dự phòng
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện
- Khác

Cuối kỳ  
31/12/2018

Đầu kỳ  
01/10/2018

16.452.678.151	16.452.678.151
6.848.212.046	13.990.694.550
8.472.027.114	8.472.027.114
714.348.043	714.348.043
1.053.512.369	1.053.512.369
<b>33.540.777.723</b>	<b>40.683.260.227</b>

**Cộng**

**19- Vốn chủ sở hữu**

a- Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu ngân quỹ	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
A	1	2	3	4	5	6
<b>Số dư đầu năm trước (01/10/2017)</b>	<b>3.499.966.830.000</b>	<b>151.583.183.521</b>	-	<b>34.535.741.195</b>	<b>1.446.534.555.355</b>	<b>5.132.620.310.071</b>
- Lợi nhuận tăng trong năm trước					409.234.037.922	409.234.037.922
- Chi trả cổ tức bằng tiền					349.957.383.000	349.957.383.000
- Chi cổ tức bằng cổ phiếu	349.936.450.000				349.936.450.000	-
- Tăng từ thặng dư vốn cổ phần						-
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi					53.266.556.487	53.266.556.487
- Trích lập quỹ khác thuộc vốn CSH				47.549.876.048	47.549.876.048	-
- Tăng từ phát hành cổ phiếu có chọn lựa cho người lao động						-
- Mua cổ phiếu quỹ			(1.343.000.000)			(1.343.000.000)
- Sử dụng quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu				21.575.866.687		21.575.866.687
<b>Số dư cuối năm trước (30/09/2018)</b>	<b>3.849.903.280.000</b>	<b>151.583.183.521</b>	<b>(1.343.000.000)</b>	<b>60.509.750.556</b>	<b>1.055.058.327.742</b>	<b>5.115.711.541.819</b>
<b>Số dư đầu kỳ này (01/10/2018)</b>	<b>3.849.903.280.000</b>	<b>151.583.183.521</b>	<b>(1.343.000.000)</b>	<b>60.509.750.556</b>	<b>1.055.058.327.742</b>	<b>5.115.711.541.819</b>
- Lợi nhuận tăng trong kỳ này					60.657.746.313	60.657.746.313
- Trích lập quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu						-
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi						-
- Chi cổ tức bằng cổ phiếu	-					-
- Chi trả cổ tức bằng tiền						-
- Mua cổ phiếu quỹ			(113.000.000)			(113.000.000)
- Sử dụng quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu				2.329.247.080		2.329.247.080
<b>Số dư cuối kỳ này (31/12/2018)</b>	<b>3.849.903.280.000</b>	<b>151.583.183.521</b>	<b>(1.456.000.000)</b>	<b>58.180.503.476</b>	<b>1.115.716.074.055</b>	<b>5.173.927.041.052</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA SEN**  
**BCTC HỢP NHẤT**  
**BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**QUÝ I NIÊN ĐỘ 2018 - 2019**

**Mẫu số B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC Ngày  
 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

Từ 01 - 10 - 2018 đến 31 - 12 - 2018

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ được ghi chú bằng đồng tiền khác)

b- Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Năm nay			Năm trước		
	Tổng số	Vốn cổ phần thường	Vốn cổ phần ưu đãi	Tổng số	Vốn cổ phần thường	Vốn cổ phần ưu đãi
- Vốn đầu tư của Nhà nước						
- Vốn góp (cổ đông, thành viên...)	3.849.903.280.000	3.849.903.280.000		3.849.903.280.000	3.849.903.280.000	
- Thặng dư vốn cổ phần	151.583.183.521	151.583.183.521		151.583.183.521	151.583.183.521	
<b>Cộng</b>	<b>4.001.486.463.521</b>	<b>4.001.486.463.521</b>		<b>4.001.486.463.521</b>	<b>4.001.486.463.521</b>	

\* Giá trị trái phiếu đã chuyển thành cổ phiếu trong năm

c- Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Cuối kỳ 31/12/2018	Đầu kỳ 01/10/2018
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	3.849.903.280.000	3.499.966.830.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	349.936.450.000
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	3.849.903.280.000	3.849.903.280.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	349.957.383.000

20 - Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán

	Cuối kỳ 31/12/2018	Đầu kỳ 01/10/2018
Ngoại tệ các loại		
- Đồng đô la Mỹ	5.117.038,28	5.084.970,45
- Đồng Euro	-	228,92
- Đồng đô la Úc	0,54	687,54

V- Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Kỳ này (từ 01-10-2018 đến 31-12-2018)	Kỳ trước (từ 01-10-2017 đến 31-12-2017)
21 - Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	7.557.609.285.209	7.929.841.042.904
- Doanh thu bán thành phẩm	4.064.593.059.842	4.057.312.492.921
- Doanh thu bán hàng hóa	3.476.553.625.476	3.847.278.198.334
- Doanh thu khác	16.462.599.891	25.250.351.649
22 - Các khoản giảm trừ doanh thu	12.172.384.423	43.261.260.670
- Chiết khấu thương mại	6.175.785.301	35.784.655.873
- Giảm giá hàng bán	1.695.189.178	1.333.969.939
- Hàng bán bị trả lại	4.301.409.944	6.142.634.858
23 - Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	7.545.436.900.786	7.886.579.782.234



**BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
QUÝ I NIÊN ĐỘ 2018 - 2019**

Từ 01 - 10 - 2018 đến 31 - 12 - 2018

(Thẻ hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ được ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Kỳ này (từ 01-10-2018 đến 31-12-2018)	Kỳ trước (từ 01-10-2017 đến 31-12-2017)
<b>24 - Giá vốn hàng bán</b>		
- Giá vốn thành phẩm đã bán	3.696.811.597.843	3.243.858.725.157
- Giá vốn hàng hóa đã bán	3.241.532.322.904	3.461.523.938.685
<b>Cộng</b>	<b>6.938.343.920.747</b>	<b>6.705.382.663.842</b>
<b>25 - Doanh thu tài chính</b>		
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	585.708.057	134.542.979
- Lãi từ hoạt động đầu tư	4.848.645.816	3.589.393.750
- Lãi chênh lệch tỷ giá	18.501.900.056	9.675.667.044
<b>Cộng</b>	<b>23.936.253.929</b>	<b>13.399.603.773</b>
<b>26 - Chi phí tài chính</b>		
- Lãi vay	187.040.186.546	171.086.603.940
- Chênh lệch tỷ giá	11.112.080.778	15.097.802.094
- Chi phí tài chính khác	75.632.307	-
<b>Cộng</b>	<b>198.227.899.631</b>	<b>186.184.406.034</b>
<b>27 - Thu nhập khác</b>		
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	122.269.298.711	9.778.255.992
- Các khoản khác	95.481.451.764	15.290.004.259
<b>Cộng</b>	<b>217.750.750.475</b>	<b>25.068.260.251</b>
<b>28 - Chi phí khác</b>		
- Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý	-	-
- Các khoản khác	222.832.318	1.172.360.893
<b>Cộng</b>	<b>222.832.318</b>	<b>1.172.360.893</b>
<b>29 - Chi phí bán hàng và chi phí quản lý</b>		
<i>a) Chi phí bán hàng</i>		
Chi phí nhân viên	115.526.581.737	96.001.914.409
Chi phí vật liệu bao bì	1.919.623.081	6.672.148.716
Chi phí khấu hao TSCĐ	37.100.677.316	28.533.384.852
Chi phí dịch vụ mua ngoài	178.391.241.686	226.553.211.117
Chi phí bằng tiền khác	102.877.389.334	62.945.581.532
<b>Cộng</b>	<b>435.815.513.154</b>	<b>420.706.240.626</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA SEN**  
**BCTC HỢP NHẤT**  
**BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**QUÝ I NIÊN ĐỘ 2018 - 2019**

Từ 01 - 10 - 2018 đến 31 - 12 - 2018

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ được ghi chú bằng đồng tiền khác)

Mẫu số B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

**29 - Chi phí bán hàng và chi phí quản lý (tiếp theo)**

*b) Chi phí quản lý*

	Kỳ này (từ 01-10-2018 đến 31-12-2018)	Kỳ trước (từ 01-10-2017 đến 31-12-2017)
Chi phí nhân viên quản lý	47.040.139.532	111.760.507.608
Chi phí đồ dùng văn phòng	4.379.423.002	5.521.003.780
Chi phí khấu hao TSCĐ	14.837.754.733	13.083.251.884
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.605.765.996	17.416.364.162
Chi phí bằng tiền khác	43.205.900.449	62.074.850.134
<b>Cộng</b>	<b>113.068.983.712</b>	<b>209.855.977.568</b>

**30 - Chi phí thuế TNDN hiện hành**

33.649.851.749 68.353.866.017

**31 - Chi phí thuế TNDN hoãn lại**

7.142.482.504 -

**VI - Giao dịch với các bên liên quan**

Các bên liên quan chủ yếu bao gồm các công ty con, các cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị và các nhân sự quản lý chủ chốt.

*a) Giao dịch với các bên liên quan*

Trong quý I niên độ 2018 - 2019, các giao dịch sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

Công ty TNHH Tập Đoàn Đầu Tư Hoa Sen	Kỳ này (từ 01-10-2018 đến 31-12-2018)	Kỳ trước (từ 01-10-2017 đến 31-12-2017)
- Bán hàng hóa và dịch vụ	1.256.062.984.662	1.471.624.897.514
- Cho thuê tài sản	1.469.447.688	
- Bán tài sản	33.380.244.272	32.012.110.573
- Bán khác	2.316.185.807	62.344.925
- Chiết khấu thương mại	1.080.149.746	13.584.078.772
- Hàng bán bị trả lại	865.815.737	928.825.436
- Mua hàng hóa và dịch vụ	95.807.601.303	665.267.431.993
- Nhận dịch vụ vận chuyển	10.665.115.900	12.197.019.052
- Mua tài sản cố định	124.733.458.000	-
- Mua công cụ dụng cụ	17.183.887.937	-
- Thuê hoạt động	305.312.424	111.818.181
- Mua khác	1.407.137.821	567.966.113
Công ty TNHH MTV Đầu Tư Hoa Sen Nghệ An	Kỳ này (từ 01-10-2018 đến 31-12-2018)	Kỳ trước (từ 01-10-2017 đến 31-12-2017)
- Cho thuê tài sản	90.000.000	90.000.000
- Nhận dịch vụ vận chuyển	11.960.435.437	21.079.659.868
Các khoản chi các nhân sự quản lý chủ chốt	Kỳ này (từ 01-10-2018 đến 31-12-2018)	Kỳ trước (từ 01-10-2017 đến 31-12-2017)
Thù lao HĐQT, ban cố vấn và Ban kiểm soát	585.000.000	525.000.000
Lương cho ban Tổng Giám đốc	3.286.100.000	4.081.006.100

**BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
QUÝ I NIÊN ĐỘ 2018 - 2019**

Từ 01 - 10 - 2018 đến 31 - 12 - 2018

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ được ghi chú bằng đồng tiền khác)

**a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)****b) Số dư cuối kỳ với các bên liên quan****b.1, Phải thu khách hàng**

	Cuối kỳ 31/12/2018	Đầu kỳ 01/10/2018
Công ty TNHH Tập Đoàn Đầu Tư Hoa Sen	424.861.661.738	1.485.707
Công ty TNHH MTV Đầu Tư Hoa Sen Nghệ An	33.000.000	132.000.000
Công ty Cổ phần Đầu Tư Hạ Tầng KCN Hoa Sen Du Long	-	120.700.972
<b>Cộng</b>	<b>424.894.661.738</b>	<b>254.186.679</b>

**b.2, Các khoản phải thu khác**

	Cuối kỳ 31/12/2018	Đầu kỳ 01/10/2018
Hoàng Đức Huy (P.Tổng Giám đốc) - Ứng trước tiền mua đất	45.462.225.000	91.550.690.256
Công ty CP Đầu Tư Hạ Tầng KCN Hoa Sen Du Long	-	335.342.389
<b>Cộng</b>	<b>45.462.225.000</b>	<b>91.886.032.645</b>

**b.3, Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	Cuối kỳ 31/12/2018	Đầu kỳ 01/10/2018
Công ty CP Đầu Tư Hạ Tầng KCN Hoa Sen Du Long	-	3.660.295.900
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>3.660.295.900</b>

**b.4, Phải trả người bán**

	Cuối kỳ 31/12/2018	Đầu kỳ 01/10/2018
Công ty TNHH Tập Đoàn Đầu Tư Hoa Sen	986.083.406	4.787.482.661
Công ty TNHH MTV Đầu Tư Hoa Sen Nghệ An	6.572.591.697	5.226.877.644
<b>Cộng</b>	<b>7.558.675.103</b>	<b>10.014.360.305</b>

**b.5, Người mua trả tiền trước**

	Cuối kỳ 31/12/2018	Đầu kỳ 01/10/2018
Công ty TNHH Tập Đoàn Đầu Tư Hoa Sen	-	22.267.659.259
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>22.267.659.259</b>

**b.6, Phải trả khác**

	Cuối kỳ 31/12/2018	Đầu kỳ 01/10/2018
Công ty TNHH Tập Đoàn Đầu Tư Hoa Sen	-	895.000.000
Doanh nghiệp tư nhân kinh doanh BĐS Hương Sen	1.000.000.000	1.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu Tư Hạ Tầng KCN Hoa Sen Du Long	-	1.256.027.397
<b>Cộng</b>	<b>1.000.000.000</b>	<b>3.151.027.397</b>

**b.7, Vay ngắn hạn**

	Cuối kỳ 31/12/2018	Đầu kỳ 01/10/2018
Công ty cổ phần Hoa Sen Quy Nhơn	-	53.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>53.000.000.000</b>

**BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
QUÝ I NIÊN ĐỘ 2018 - 2019**

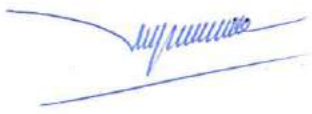
Từ 01 - 10 - 2018 đến 31 - 12 - 2018

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ được ghi chú bằng đồng tiền khác)

**VII- Những thông tin khác**

- 1- Thông tin so sánh (những thay đổi về thông tin năm trước): Không có
- 2- Thông tin so sánh (những thay đổi về thông tin năm trước): Không có
- 3- Những thông tin khác:

**Người lập biểu**  
(Ký, họ tên)



Nguyễn Thị Thanh Tuyền

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)



Nguyễn Thị Ngọc Lan

Ngày 29 tháng 01 năm 2019

**Tổng Giám đốc**

(Ký, họ tên, đóng dấu)



**TRẦN QUỐC TRÍ**